

Số: 200/2024/QĐST-VLĐ

Dĩ An, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 314/2024/TLST-VLĐ, ngày 16/12/2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 164/2024/QĐST-VLĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** ông Bào Chí N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty Cổ phần Đ4; địa chỉ: Số E, xa lộ X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T – chức vụ: Phó tổng giám đốc; ông Nguyễn Đức T1 – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; địa chỉ liên hệ: số G đường số A khu phố D, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy uỷ quyền ngày 01/03/2024, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Bảo hiểm xã hội thành phố Đ4, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền số 240/UQ-BHXX ngày 19/12/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Tại đơn yêu cầu ông Bào Chí N trình bày: Từ tháng 8/2023 cho đến nay, ông Bào Chí N có làm việc tại Công ty TNHH C2 tại địa chỉ số A khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khi Công ty TNHH C2 làm hồ sơ đóng bảo hiểm xã hội cho

ông Nguyễn T3 Bảo hiểm xã hội thành phố T rà soát và phát hiện số CMND cũ của ông N (381627549) có những sổ bảo hiểm xã hội sau:

- 7409096631: quá trình từ tháng 09/2009 đến tháng 09/2012 tại Công ty TNHH C2;

- 7411072284: quá trình từ tháng 09/2009 đến tháng 09/2012 tại Công ty TNHH W;

- 7411132334: quá trình bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 04/2011 đến tháng 09/2011 tại Công ty Cổ phần Đ5;

- 7413159398: quá trình từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 tại Công ty Cổ phần Đ4. *(Có gắn hồ sơ giả)*

Lý do ông Nguyễn B gắn hồ sơ giả: Vào năm 2013, tại Bình Dương, ông N đã làm mất CMND (số: 381627549) do tình trạng hỗn loạn trong cuộc biểu tình của công nhân xuống đường phản đối Trung Quốc gây hấn ở B, tràn cả vào trong khiến công ty buộc phải cho công nhân nghỉ việc. Thời gian đó, ông Nguyễn Đ làm tại Công ty Cổ phần L1, địa chỉ: số B, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trong thời gian ông Nguyễn làm V tại Công ty Cổ phần L1, ông Nguyễn K được Công ty Đ6. Đến nay ông Nguyễn liên H với Bảo hiểm xã hội thành phố T thì được thông báo có người đã sử dụng số chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Đ1 ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ4 từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 và có đóng Bảo hiểm xã hội số: 7413159389.

Do hồ sơ bảo hiểm xã hội số 7413159389 quá trình từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 là hồ sơ giả (không phải do ông Nguyễn Đ2 ra ký kết Hợp đồng lao động) nên ông Nguyễn K thực hiện được quyền của ông Nguyễn T4 việc được đóng và nhận tiền bảo hiểm xã hội đúng theo quy định của pháp luật được. Nay ông Nguyễn yêu C Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Bào Chí N và Công ty Cổ phần Đ4 vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ4 do ông Nguyễn Anh T và ông Nguyễn Hữu M đại diện trình bày:*

Theo dữ liệu trích ngang còn lưu trữ trên máy tính, Công ty Cổ phần Đ4 ký hợp đồng lao động với ông Bào Chí N và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm (Số sổ: 7413159398) từ tháng 05 năm 2015. Tháng 06/2014 người này xin nghỉ việc tại Công ty, Công ty đã giải quyết chế độ và chốt sổ bảo hiểm cho ông N. Việc ông Bào Chí N bị giả mạo hồ sơ thì phía công ty không hề hay biết cho đến khi nhận được Đơn yêu cầu của ông Bào Chí N. Về hồ sơ liên quan đến ông N, do thời gian người lao động này nghỉ việc quá lâu (hơn 10 năm) nên Công ty không còn lưu giữ hồ sơ nữa, không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T2 đại diện trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ4 cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Bào Chí N sinh năm 1992, số CCCD 096092013178, với mã số BHXH 7413159398 từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 tại Công ty Cổ phần Đ4 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, ông Bào Chí N còn có mã BHXH số 7414020913 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN

từ tháng 07/2014 đến tháng 02/2015 tại Công ty Cổ phần L1. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Bào Chí N và Công ty Cổ phần Đ4 thì đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/ND-CP quy định về việc xử hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Bào Chí N thì BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông N, Bảo hiểm xã Hội thành phố D, Công ty Cổ phần Đ4 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất trình bày như sau: Người lao động tên Bào Chí N sinh năm 1992, số CCCD 096092013178, quá trình tham gia bảo hiểm có 02 mã BHXH: Đối với mã bảo hiểm xã hội số: 7413159398 từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 tại Công ty Cổ phần Đ4 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần; đối với mã bảo hiểm xã hội số: 7414020913 từ tháng 07/2014 đến tháng 02/2015 tại Công ty Cổ phần L1. Ông Nguyễn xác Đ3 thời gian từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 bản thân ông không làm việc cho Công ty Cổ phần Đ4, do tình trạng hỗn loạn trong cuộc biểu tình của công nhân nên ông bị mất giấy tờ và đã có người sử dụng giấy tờ của ông để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ4. Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình và Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đ4 thống nhất với lời trình bày của ông N.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Trong khoản thời gian từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014, ông Nguyễn tham G ký kết hợp đồng lao động cùng một lúc 02 công ty, đó là Công ty Cổ phần L1 và Công ty Cổ phần Đ4, nhưng thực tế ông Nguyễn C1 làm việc tại Công ty Cổ phần L1, còn người làm việc tại Công ty Cổ phần Đ4 không phải do ông Nguyễn Đ2 ra ký kết hợp đồng mà là một người nào đó mà bản thân ông Nguyễn K quen biết. Lời trình bày của ông Nguyễn L phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014, ông Bào Chí N có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần Đ4 với số BHXH: 7413159398 và Công ty Cổ phần L1 với số BHXH: 7414020913. Xét thấy, việc ông Nguyễn K trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ4 nhưng có người đã lấy tên và giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Đ1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ4 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp

của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc ông Bào Chí N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 giữa ông Bào Chí N (do người khác dùng tên và giấy tờ tùy thân) với Công ty Cổ phần Đ4 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: Ông Bào Chí N phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Bào Chí N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Bào Chí N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau với Công ty Cổ phần Đ4 từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2014 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Bào Chí N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0007521 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân